

Số: **3558** /BKHĐT-ĐKKD  
V/v kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

Hà Nội, ngày **01** tháng **6** năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện chủ trương của Chính phủ trong việc đẩy mạnh Chính phủ điện tử và kết nối, liên thông dữ liệu giữa các Hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương (NGSP) do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý, vận hành. Các thông tin về đăng ký doanh nghiệp được chia sẻ qua NGSP bao gồm:

- Thông tin cơ bản về đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp/đơn vị trực thuộc doanh nghiệp;
- Danh sách các hồ sơ tiếp nhận;
- Danh sách các hồ sơ xử lý;
- Thông tin chi tiết về tình trạng xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/đơn vị trực thuộc doanh nghiệp.

Nhằm đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam 2.0 ban hành kèm theo Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, đề nghị Quý Ủy ban chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thông qua NGSP để nhận và tích hợp các thông tin nêu trên vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử tại địa phương theo tài liệu kỹ thuật kết nối kèm theo.

Xin thông báo để Quý Ủy ban biết và triển khai thực hiện.

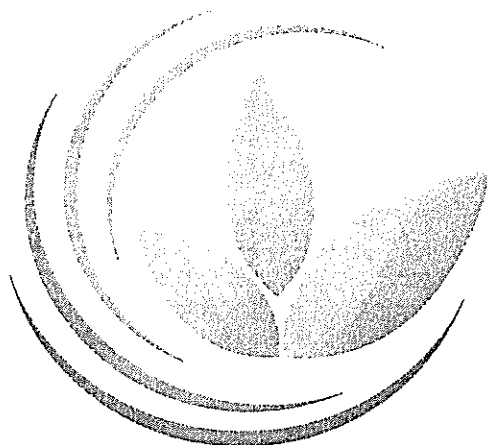
**Nơi nhận:**

- Như trên (kèm theo Tài liệu kỹ thuật);
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Lưu: VT, ĐKKD(TT).QTPT<sub>2</sub>

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**  
  
**Vũ Đại Thắng**



**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
CỤC QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ KINH DOANH**



**TÀI LIỆU KỸ THUẬT KẾT NỐI VỚI  
HỆ THỐNG THÔNG TIN QUỐC GIA  
VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
(áp dụng đối với các hệ thống thông tin cấp tỉnh)**

Phiên bản	1.0
Ngày ban hành	Tháng ... năm 2020
Cán bộ đầu mối	Đồng chí Vũ Đức Tuấn (số điện thoại: 024.38489912/SML:203, email: vuctuan@brr.vn)

## MỤC LỤC

<b>DANH MỤC HÌNH ẢNH .....</b>	<b>2</b>
<b>LỊCH SỬ THAY ĐỔI TÀI LIỆU.....</b>	<b>2</b>
<b>CÁC THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT .....</b>	<b>3</b>
<b>I. TỔNG QUAN .....</b>	<b>4</b>
1.1 Mục đích .....	4
1.2 Phạm vi chia sẻ dữ liệu.....	4
1.3 Đối tượng khai thác dữ liệu .....	4
<b>II. CƠ SỞ PHÁP LÝ .....</b>	<b>4</b>
<b>III. ĐẶC TẢ KỸ THUẬT KẾT NỐI.....</b>	<b>5</b>
3.1 Mô hình kết nối.....	5
3.2 Yêu cầu về giao diện kết nối .....	6
3.3 Danh sách các API.....	6
3.3.1 API cung cấp thông tin cơ bản về đăng ký doanh nghiệp/ĐVTT .....	6
3.3.2 API cung cấp danh sách các hồ sơ tiếp nhận trong khoảng thời gian.....	6
3.3.3 API cung cấp danh sách các hồ sơ xử lý trong ngày .....	7
3.3.4 API cung cấp thông tin chi tiết về tình trạng xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/ĐVTT.....	8
<b>IV. ĐẶC TẢ CẤU TRÚC DỮ LIỆU.....</b>	<b>8</b>
4.1 Danh mục dùng chung .....	8
4.2 Đối tượng dữ liệu trao đổi .....	9
4.2.1 Khối thông tin - EntInfo .....	9
4.2.2 Khối thông tin – Process.....	11
4.2.3 Khối thông tin – ProcessDetails .....	12
<b>V. QUY TRÌNH KHAI THÁC DỮ LIỆU .....</b>	<b>13</b>
1. Quy trình khai thác thông tin về hồ sơ tiếp nhận, tình trạng xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp áp dụng đối với hệ thống thông tin một cửa điện tử.....	13
2. Quy trình tra cứu thông tin đăng ký doanh nghiệp áp dụng đối với hệ thống thông tin cấp tỉnh.....	14

## DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1: Mô hình kết nối giữa NBRS và hệ thống thông tin cấp tỉnh qua NGSP.....5

Hình 2: Mô hình khai thác thông tin về hồ sơ tiếp nhận, tình trạng xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.....13

Hình 3: Mô hình tra cứu thông tin đăng ký doanh nghiệp.....14

## LỊCH SỬ THAY ĐỔI TÀI LIỆU

STT	Ngày	Phiên bản	Người thực hiện thay đổi	Tên và số chương thay đổi	Lý do thay đổi

## CÁC THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

TT	Thuật ngữ/từ viết tắt	Mô tả
1.	NBRS	Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp
2.	NGSP	Hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương tuân theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam
3.	LGSP	Nền tảng tích hợp, chia sẻ cấp Bộ, tỉnh/thành phố
4.	API	Dịch vụ cung cấp dữ liệu
5.	RESTful API	Là hệ thống API hoạt động theo cơ chế REST ( <b>RE</b> presentational <b>S</b> tate <b>T</b> ransfer). REST là một kiểu kiến trúc được sử dụng trong việc giao tiếp giữa các máy tính (máy tính cá nhân và máy chủ của trang web) trong việc quản lý các tài nguyên trên Internet. REST thay thế cho công nghệ SOAP và WSDL của web services
6.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
7.	ĐKDN	Đăng ký doanh nghiệp
8.	Phòng ĐKKD	Phòng Đăng ký kinh doanh
9.	ESB	Trục tích hợp dữ liệu của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp
10.	ĐVTT	Đơn vị trực thuộc

## I. TỔNG QUAN

### 1.1 Mục đích

Tài liệu này quy định các quy chuẩn kỹ thuật về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa NBRS và các hệ thống thông tin cấp tỉnh (hệ thống thông tin một cửa điện tử và hệ thống thông tin khác) qua NGSP nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước, bao gồm: thống kê, báo cáo tình hình đăng ký doanh nghiệp tại địa phương và xác minh thông tin đăng ký doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp.

### 1.2 Phạm vi chia sẻ dữ liệu

Nội dung dữ liệu chia sẻ bao gồm:

- Thông tin cơ bản về đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp/ĐVTT bao gồm: tên doanh nghiệp/ĐVTT, mã số doanh nghiệp/ĐVTT, ngày thành lập doanh nghiệp/ngày đăng ký hoạt động ĐVTT, ngày đăng ký thay đổi gần nhất, tình trạng hoạt động, thông tin về người đại diện pháp luật doanh nghiệp/người đứng đầu ĐVTT, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh.

- Thông tin về hồ sơ tiếp nhận, tình trạng xử lý hồ sơ.

### 1.3 Đối tượng khai thác dữ liệu

Đối tượng khai thác dữ liệu bao gồm:

- Cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh.

- Cán bộ có nhiệm vụ quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin cấp tỉnh đã được kết nối, chia sẻ dữ liệu với NBRS qua NGSP, cụ thể:

STT	Loại dữ liệu chia sẻ	Hệ thống khai thác dữ liệu
1	Thông tin về hồ sơ tiếp nhận, tình trạng xử lý hồ sơ và thông tin cơ bản về ĐKDN	Hệ thống thông tin một cửa điện tử
2	Thông tin cơ bản về ĐKDN	Hệ thống thông tin khác

*Bảng 1: Đối tượng khai thác dữ liệu*

## II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Nghị định 108/2018/NĐ-CP ngày 23/08/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Thông tư số 13/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia;

Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0.

### III. ĐẶC TẢ KỸ THUẬT KẾT NỐI

#### 3.1 Mô hình kết nối

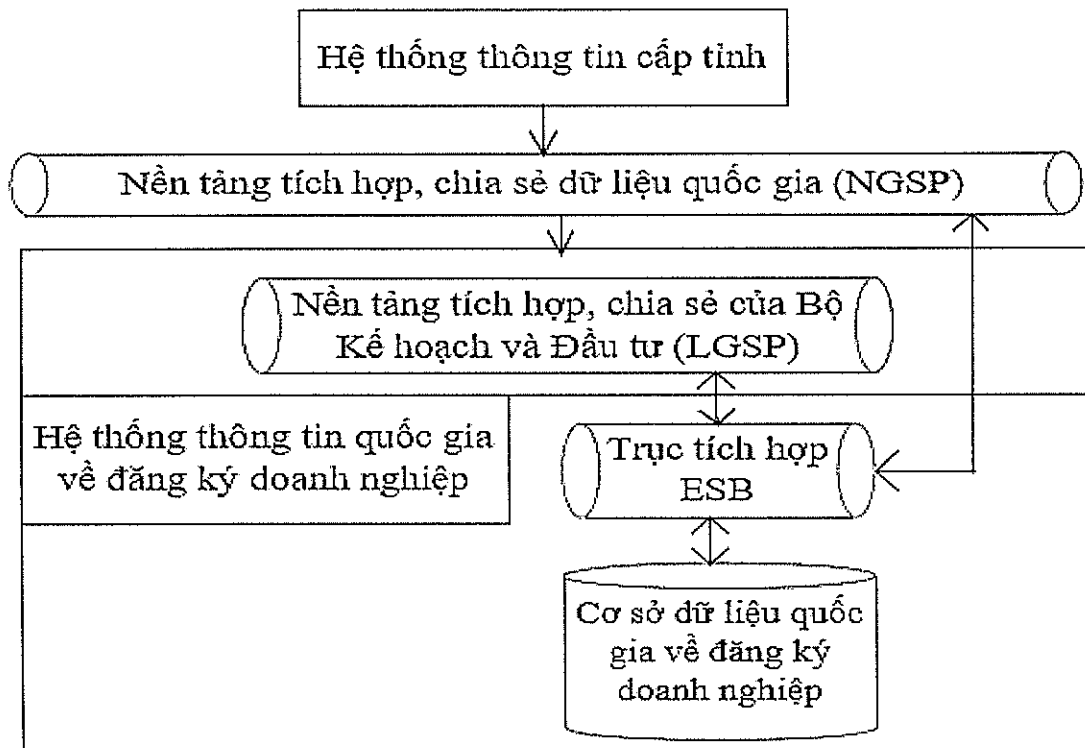
##### Mô tả quy trình kết nối:

Bước 1: Khi có nhu cầu, đối tượng khai thác tạo yêu cầu kết nối và gọi dịch vụ của NGSP để lấy dữ liệu;

Bước 2: NGSP tiếp nhận yêu cầu, xác minh bảo mật và sẽ truyền thông điệp tới trực tích hợp ESB;

Bước 3: Trực tích hợp ESB xử lý và trả dữ liệu cho NGSP;

Bước 4: NGSP nhận dữ liệu, xử lý chuyển đổi và trả về kết quả cho đối tượng khai thác.



**Hình 1:** Mô hình kết nối giữa NBRS và hệ thống thông tin cấp tỉnh qua NGSP



### 3.2 Yêu cầu về giao diện kết nối

Các đối tượng có nhu cầu khai thác dữ liệu kết nối tới NBRS thông qua NGSP theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam. Do đó, giao diện kết nối từ hệ thống thông tin cấp tỉnh đến NGSP phải tuân thủ theo các phương thức trao đổi và định dạng dữ liệu sau:

- Giao thức SOAP trên Webservices hoặc RESTful API qua HTTPS, TLS v1, TLS v2, định dạng dữ liệu trao đổi XML hoặc JSON.

- Giao diện kết nối giữa NGSP và ESB:

+ Sử dụng giao thức RESTful API.

+ Phương thức xác thực, mã hóa OAuth 2.0, TLS v2, SSL v3.

+ Môi trường: mạng số liệu chuyên dùng hoặc mạng Internet.

### 3.3 Danh sách các API

- API cung cấp thông tin cơ bản về đăng ký doanh nghiệp;

- API cung cấp danh sách các hồ sơ tiếp nhận trong khoảng thời gian;

- API cung cấp danh sách các hồ sơ xử lý trong ngày;

- API cung cấp thông tin chi tiết về tình trạng xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

#### 3.3.1 API cung cấp thông tin cơ bản về đăng ký doanh nghiệp/ĐVTT

Địa chỉ URL tại NGSP: Quy định tại các Văn bản của Bộ Thông tin truyền thông (tham khảo tại địa chỉ <https://ngsp.gov.vn/docs/ketnoisansang.html>)

**Định dạng tham số đầu vào:**

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc (Có/không)	Độ dài (ký tự)
msdn	Mã số doanh nghiệp/ĐVTT	string	Có	10 - 20
authorization	Mã bảo mật, định dạng: <i>Bearer</i> + " <i>Mã access_token</i> "	string	Có	

*Bảng 2: Tham số đầu vào của API cung cấp thông tin cơ bản về đăng ký doanh nghiệp/ĐVTT*

**Lưu ý:** Đơn vị trực thuộc bao gồm các loại hình Chi nhánh và Văn phòng đại diện.

**Dữ liệu đầu ra:** thông tin khối EntInfo (chi tiết tại Mục 4.2.1).

#### 3.3.2 API cung cấp danh sách các hồ sơ tiếp nhận trong khoảng thời gian

Địa chỉ URL tại NGSP: Quy định tại các Văn bản của Bộ Thông tin truyền thông (tham khảo tại địa chỉ <https://ngsp.gov.vn/docs/ketnoisansang.html>)

**Định dạng tham số đầu vào:**

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc (Có/không)	Độ dài tối đa (ký tự)
from_date	Từ ngày	string (dd/MM/yyyy)	Có	10
to_date	Đến ngày	string (dd/MM/yyyy)	Có	10
site_id	Mã cơ quan cấp đăng ký	string	Có	10
offset	Thứ tự bản ghi trả về, bắt đầu từ 1	number	Không	
limit	Giới hạn số lượng bản ghi trả về, tối đa là 30	number	Không	
authorization	Mã bảo mật, định dạng: <i>Bearer+ "Mã access_token"</i>	string	Có	

*Bảng 3: Tham số đầu vào của API cung cấp danh sách hồ sơ tiếp nhận trong khoảng thời gian*

**Ràng buộc:** khoảng thời gian giữa from\_date và to\_date tối đa 05 ngày.

**Dữ liệu đầu ra:** Danh sách các khối Process (*chi tiết tại Mục 4.2.2*).

### 3.3.3 API cung cấp danh sách các hồ sơ xử lý trong ngày

Địa chỉ URL tại NGSP: Quy định tại các Văn bản của Bộ Thông tin truyền thông (tham khảo tại địa chỉ <https://ngsp.gov.vn/docs/ketnoisansang.html>)

**Định dạng tham số đầu vào:**

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc (Có/không)	Độ dài tối đa (ký tự)
fromTS	Từ thời gian	string (HH24:Min 14:30)	Có	10
toTS	Đến thời gian	string (HH24:Min 14:30)	Có	10
siteId	Mã cơ quan cấp đăng ký	String	Có	10
offset	Thứ tự bản ghi trả về, bắt đầu từ 1	number	Không	
limit	Giới hạn số lượng bản ghi trả về, tối đa là 30	number	Không	

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc (Có/không)	Độ dài tối đa (ký tự)
authorization	Mã bảo mật, định dạng: <i>Bearer</i> + “Mã <i>access_token</i> ”	string	Có	

*Bảng 4: Tham số đầu vào của API cung cấp danh sách các hồ sơ xử lý trong ngày*

**Ràng buộc:** from\_ts và to\_ts nhận giá trị từ 00:00 đến 23:59.

**Dữ liệu đầu ra:** Danh sách các khối Process (*chi tiết tại Mục 4.2.2*).

### **3.3.4 API cung cấp thông tin chi tiết về tình trạng xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/ĐVTT**

Địa chỉ URL tại NGSP: Quy định tại các Văn bản của Bộ Thông tin truyền thông (tham khảo tại địa chỉ <https://ngsp.gov.vn/docs/ketnoisansang.html>)

**Định dạng tham số đầu vào:**

Tham số	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc (Có/không)	Độ dài tối đa (ký tự)
in_journal_no	Mã hồ sơ	string	Có	30
site_id	Mã cơ quan cấp đăng ký	string	Có	10
authorization	Mã bảo mật, định dạng: <i>Bearer</i> + “Mã <i>access_token</i> ”	string	Có	

*Bảng 5: Tham số đầu vào của API cung cấp thông tin xử lý của 01 hồ sơ ĐKDN*

**Dữ liệu đầu ra:** thông tin khối ProcessDetails (*chi tiết tại Mục 4.2.3*).

## **IV. ĐẶC TẢ CẤU TRÚC DỮ LIỆU**

### **4.1 Danh mục dùng chung**

Ngoài các dữ liệu thông tin về đăng ký doanh nghiệp/ĐVTT cơ bản và thông tin về hồ sơ và tình trạng xử lý hồ sơ thì Cục Quản lý đăng ký kinh doanh quy định danh mục dùng chung để thống nhất các định nghĩa dữ liệu. Các danh mục bao gồm:

- Danh mục Quốc gia;
- Danh mục Tỉnh/thành phố;
- Danh mục Quận huyện;
- Danh mục Phường/xã;
- Danh mục Loại hình doanh nghiệp/ ĐVTT;
- Danh mục Tình trạng hoạt động của doanh nghiệp/ ĐVTT;

- Danh mục Ngành nghề kinh doanh.

- Danh mục Trạng thái xử lý hồ sơ

Các danh mục này sẽ cung cấp dưới dạng RESTFul API, cấu trúc gồm các trường dữ liệu dạng chuỗi ký tự: Name & Code.

#### Các loại danh mục dùng chung

- DM\_Quocgia

- DM\_Tinhthanh

- DM\_Quanhuyen

- DM\_Phuongxa

- DM\_LoaihinhDN

- DM\_TinhtrangHD

- DM\_NNKD

- DM\_TrangthaiHS

#### Cấu trúc dữ liệu trao đổi của loại danh mục dùng chung

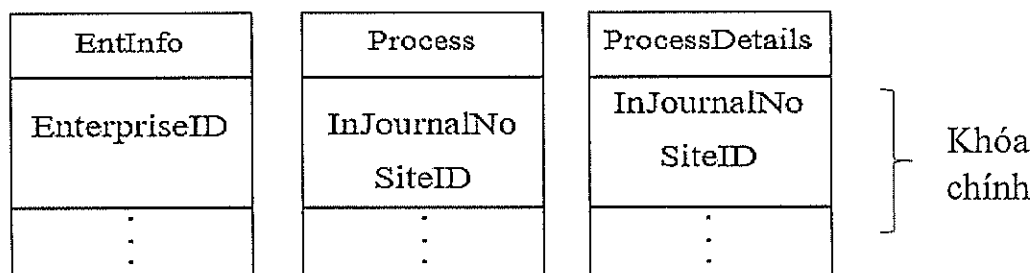
Danh mục dùng chung			
STT	Tên trường thông tin	Ý nghĩa	Định dạng dữ liệu
1	ID	ID duy nhất của danh mục dùng chung	Number(10)
2	Name	Tên danh mục dùng chung	Varchar(255)
3	Code	Mã danh mục dùng chung	Varchar(255)

#### 4.2 Đối tượng dữ liệu trao đổi

Các đối tượng dữ liệu được trao đổi bao gồm:

- Thông tin cơ bản về đăng ký doanh nghiệp/ĐVTT: EntInfo;

- Thông tin về hồ sơ tiếp nhận, tình trạng xử lý hồ sơ: Process và ProcessDetails.



##### 4.2.1 Khối thông tin - EntInfo

Khối EntInfo chứa các trường thông tin đăng ký cơ bản của doanh nghiệp/ĐVTT.

	<b>EntInfo</b>	<b>Thông tin doanh nghiệp/ĐVTT</b>	
<b>TT</b>	<b>Tên trường thông tin</b>	<b>Ý nghĩa</b>	<b>Định dạng dữ liệu</b>
1	ENTERPRISE_ID	ID của doanh nghiệp/ĐVTT	Number(10)
2	ENTERPRISE_CODE	Mã số nội bộ	
3	ENTERPRISE_GDT_CODE	Mã số doanh nghiệp/ĐVTT	String(20)
4	IMP_BUSINESS_CODE	Số Giấy chứng nhận ĐKKD cũ	String(100)
5	ENTERPRISE_TYPE_ID	Loại hình doanh nghiệp/ĐVTT	String(10)
6	ENTERPRISE_TYPE_NAME	Tên loại hình doanh nghiệp/ĐVTT	String(100)
7	NAME	Tên tiếng Việt	String(1000)
8	SHORT_NAME	Tên viết tắt	String(1000)
9	NAME_F	Tên bằng tiếng nước ngoài	String(1000)
10	FOUNDING_DATE	Ngày thành lập doanh nghiệp/ngày đăng ký hoạt động ĐVTT (dd/MM/yyyy)	Date
11	LAST_AMEND_DATE	Ngày đăng ký thay đổi gần nhất (dd/MM/yyyy)	Date
12	NUMBER_CHANGES	Số lần đăng ký thay đổi	Number(10)
13	ENTERPRISE_STATUS_NAME	Tình trạng hoạt động của doanh nghiệp/ĐVTT	String(100)
14	<b>Representatives</b>	<b>Đại diện pháp luật của doanh nghiệp/người đứng đầu ĐVTT</b>	
14.1	FULL_NAME	Tên của người đại diện pháp luật/người đứng đầu ĐVTT (trường hợp nhiều đại diện thì ghép xâu, cách nhau bởi dấu chấm phẩy)	String(1000)
15	<b>HOAddress</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	
15.1	CityID	Mã thành phố	Number(10)

	<b>EntInfo</b>	<b>Thông tin doanh nghiệp/ĐVTT</b>	
<b>TT</b>	<b>Tên trường thông tin</b>	<b>Ý nghĩa</b>	<b>Định dạng dữ liệu</b>
15.2	DistrictID	Mã quận/huyện	Number(10)
15.3	WardID	Mã phường/xã	Number(10)
15.4	StreetNumber	Địa chỉ số nhà, thôn ấp...	String(200)
15.5	AddressFullText	Địa chỉ đầy đủ	String(1000)
<b>16</b>	<b>BusinessActivity</b>	<b>Ngành nghề kinh doanh</b>	
16.1	Code	Mã ngành	String(100)
16.2	Name	Tên ngành	String(1000)
16.3	IsMain	Có phải ngành chính (Y/N)	String(2)
<b>17</b>	<b>DataCount</b>	<b>Số bản ghi</b>	<b>number</b>
<b>18</b>	<b>Status</b>	<b>Trạng thái thông điệp(1: thành công, 0: thất bại)</b>	<b>string</b>
<b>19</b>	<b>Message</b>	<b>Nội dung thông điệp (success hoặc mô tả lỗi)</b>	<b>string</b>

#### 4.2.2 Khối thông tin – Process

Khối Process chứa thông tin tiếp nhận xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

	<b>Process</b>	<b>Thông tin tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp</b>	
<b>TT</b>	<b>Tên trường thông tin</b>	<b>Ý nghĩa</b>	<b>Định dạng dữ liệu</b>
1	SITE_ID	Mã Phòng đăng ký kinh doanh	Number (20)
2	IN_JOURNAL_NO	Số giấy biên nhận	String (20)
3	DOCUMENT_TYPE	Loại hình đăng ký	String (20)
4	ENTERPRISE_CODE	Mã số nội bộ	String (20)
5	ENTERPRISE_GDT_CODE	Mã số doanh nghiệp/ĐVTT	String (20)
6	NAME	Tên doanh nghiệp/ĐVTT tiếng việt	String (200)
7	BRO	Tên Phòng đăng ký kinh doanh	String (200)
8	RECEIPT_DATE	Ngày tiếp nhận	Date

	Process	Thông tin tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	
TT	Tên trường thông tin	Ý nghĩa	Định dạng dữ liệu
9	PLAN_DATE	Ngày hẹn trả kết quả	Date
10	PROCESS_STATUS	Trạng thái xử lý hồ sơ	String (20)
11	PROCESS_DATE	Thời gian thay đổi tình trạng xử lý hồ sơ	Date

#### 4.2.3 Khối thông tin – ProcessDetails

Khối ProcessDetails chứa thông tin xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

	ProcessDetails	Thông tin xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	
TT	Tên trường thông tin	Ý nghĩa	Định dạng dữ liệu
1	SITE_ID	Mã Phòng đăng ký kinh doanh	Number (20)
2	IN_JOURNAL_NO	Số giấy biên nhận	String (20)
3	DOCUMENT_TYPE	Loại hình đăng ký	String (20)
4	ENTERPRISE_CODE	Mã số nội bộ	String (20)
5	ENTERPRISE_GDT_CODE	Mã số doanh nghiệp/ĐVTT	String (20)
6	NAME	Tên doanh nghiệp/ĐVTT tiếng việt	String (200)
7	BRO	Tên Phòng đăng ký kinh doanh	String (200)
8	RECEIPT_DATE	Ngày tiếp nhận	Date
9	PLAN_DATE	Ngày hẹn trả kết quả	Date
10	PROCESS_STATUS	Trạng thái xử lý hồ sơ mới nhất	String (20)
11	PROCESS_DATE	Thời gian thay đổi tình trạng xử lý hồ sơ mới nhất	Date
12	REGISTRATION_DATE	Ngày có kết quả hồ sơ	Date
13	SUPPLIMENT_DATE	Ngày phòng ĐKKD tiếp nhận hồ sơ bổ sung	Date
14	SUBMISSION_TYPE	Kiểu tiếp nhận hồ sơ	String (20)
15	CONTACT_FULL_NAME	Họ tên người nộp hồ sơ	String (200)
16	CONTACT_ADDRESS	Địa chỉ người nộp	String (1000)

	ProcessDetails	Thông tin xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	
TT	Tên trường thông tin	Ý nghĩa	Định dạng dữ liệu
17	CONTACT_ID_NO	Số giấy chứng thực cá nhân của người nộp	String (20)
18	CONTACT_EMAIL	Email người nộp	String (256)

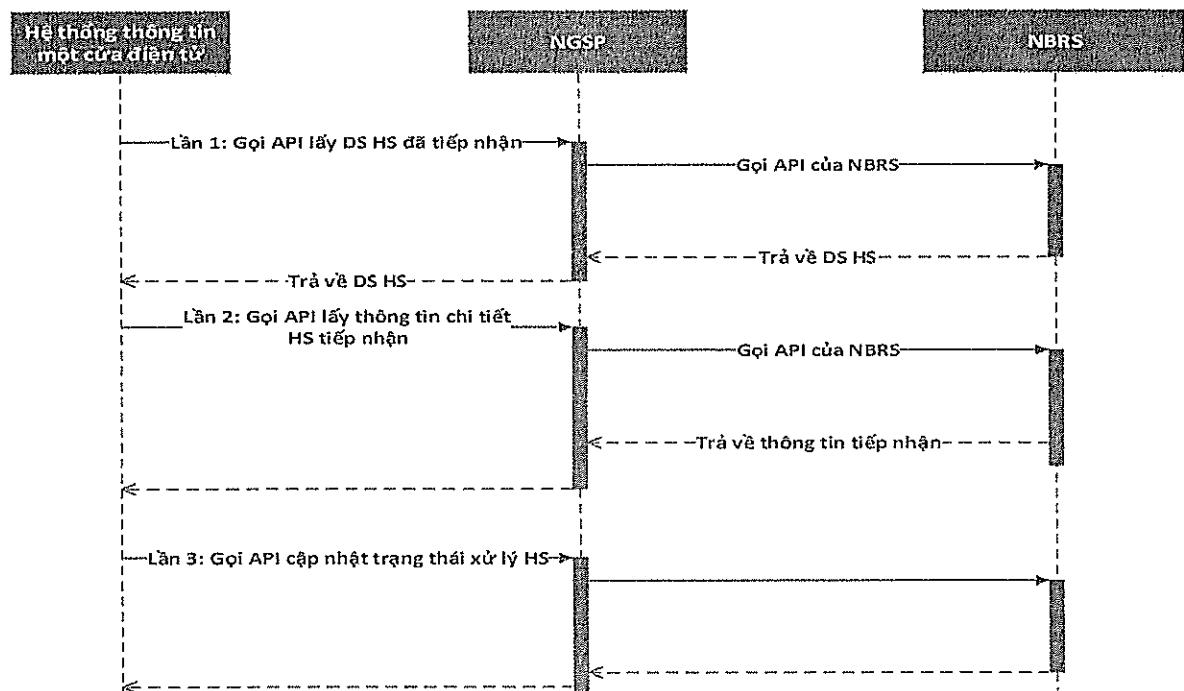
## V. QUY TRÌNH KHAI THÁC DỮ LIỆU

**1. Quy trình khai thác thông tin về hồ sơ tiếp nhận, tình trạng xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp áp dụng đối với hệ thống thông tin một cửa điện tử**

**Bước 1:** Hệ thống thông tin một cửa điện tử gọi API của NGSP để lấy danh sách các hồ sơ đã tiếp nhận (*NGSP sẽ gọi tới NBRS để lấy dữ liệu trả về cho hệ thống thông tin một cửa điện tử*);

**Bước 2:** Sau khi nhận được thông tin các mã biên nhận của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại bước 1, hệ thống thông tin một cửa điện tử gọi API của NGSP để lấy thông tin chi tiết tiếp nhận của một hồ sơ cụ thể (*NGSP sẽ gọi tới NBRS để lấy dữ liệu trả về cho hệ thống thông tin một cửa điện tử*);

**Bước 3:** Hệ thống thông tin một cửa điện tử gọi API của NGSP để cập nhật trạng thái xử lý của các hồ sơ (*NGSP sẽ gọi tới NBRS để lấy dữ liệu trả về cho hệ thống thông tin một cửa điện tử*). Dữ liệu trả về là danh sách các hồ sơ đã thay đổi trạng thái trong khoảng thời gian.

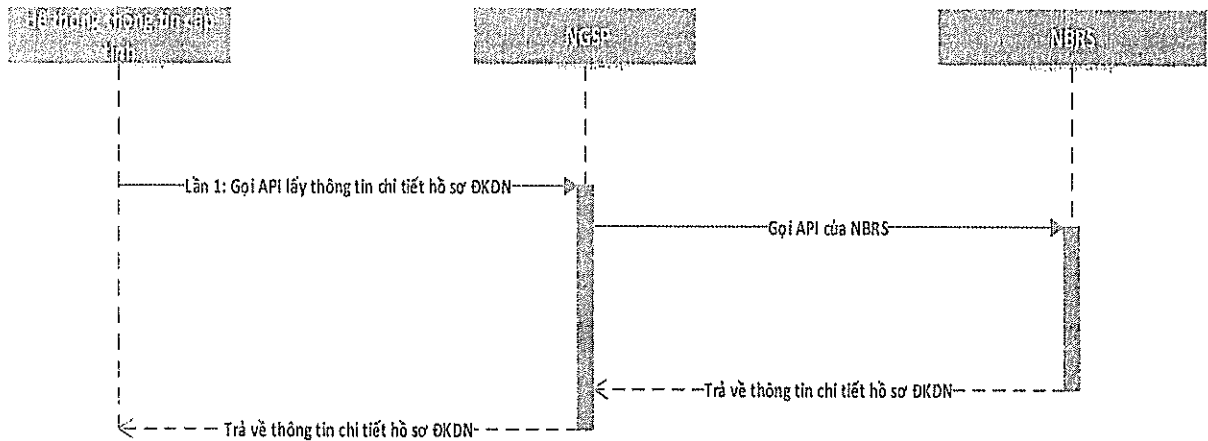


**Hình 2:** Mô hình khai thác thông tin về hồ sơ tiếp nhận, tình trạng xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp



## 2. Quy trình tra cứu thông tin đăng ký doanh nghiệp áp dụng đối với hệ thống thông tin cấp tỉnh

Hệ thống thông tin cấp tỉnh gọi API cung cấp thông tin chi tiết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo mã số doanh nghiệp hoặc mã số nội bộ.



**Hình 3:** Mô hình tra cứu thông tin đăng ký doanh nghiệp

